TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày: 09/8/2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khuất Thị Minh Hiền**

Ông **Hoàng Sỹ Lĩnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 221/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST – DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số G P, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Phạm Huyền T**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: G H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Đoàn Xuân H**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Đoàn Thị Y**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố H, T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh **Đoàn Quốc H1**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số A thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

"Tại phiên tòa, chị Phạm Huyền T có mặt. Ông Đoàn Xuân H, bà Đoàn Thị Y, anh Đoàn Quốc H1 vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Phạm Huyền T trình bày: Ngày 26/3/2020 bà Nguyễn Thị G cho ông Đoàn Xuân H vay số tiền 400.000.000đồng do ông H trực tiếp hỏi vay, ông H viết, ký giấy vay tiền và bà G giao số tiền 400.000.000đồng cho ông H, việc cho vay không có lãi vì cho vay tạm 10 ngày thì ông H sẽ trả, để làm tin ông H có đưa cho bà G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đoàn Quốc H1, ông H nói là cháu ông H. Nay ông H không trả nợ nên bà G khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà G số tiền 536.120.000đồng gồm 400.000.000đồng tiền nợ gốc và 136.200.000đồng tiền nợ lãi. Bà G không đồng ý trả lại cho anh Đoàn Quốc H1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 31/12/2019 đối với diện tích đất 719m^2 thuộc thửa 2127 tờ bản đồ 20 xã Đ vì anh H1 cho ông H mượn, ông H có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì bà G mới cho ông H vay nên khi nào ông H trả nợ thì bà G trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà G khẳng định hiện nay bà G đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, bà G cam kết bảo quản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, cam kết không thế chấp, cầm cố, thực hiện bất kỳ giao dịch nào khác .... đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Xuân H trình bày: Ông Đoàn Xuân H làm việc cho bà Đoàn Thị Y nên bà Y có nhờ ông H chuyển tiền, nhận tiền và ký sổ với bà G nhiều lần. Ngày 26 tháng 3 năm 2020 bà Y có nhờ ông H đi nhận tiền từ bà G và có đưa cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252 đứng tên ông Đoàn Quốc H1 để đưa cho bà G khi nhận tiền.

Khi ông H đến nhà bà G thì bà G có đưa ra 01 giấy nhận tiền theo mẫu, có phần chấm chấm "…" để viết tay, bà G nói ông H viết và ký với tư cách là bên mượn tiền, theo đó bà G có đọc cho ông H viết, sau khi viết xong thì ông H có ký vào giấy mượn tiền, sau đó bà G có đưa cho ông H số tiền mặt là 400.000.000đồng, ông H đưa cho bà G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Chữ viết mực xanh và chữ ký trong giấy mượn tiền nêu trên là chữ viết và chữ ký của ông H. Sau khi nhận tiền thì ông H đưa lại ngay số tiền trên cho bà Y (khi đưa tiền cho bà Y thì có viết giấy tờ gì hay không thì ông H không nhớ). Giao dịch trên giữa bà G và bà Y đã thoả thuận với nhau qua điện thoại, còn ông H là người đi làm theo yêu cầu của bà Y. Theo thoả thuận trong giấy mượn tiền thì bà Y và bà G thoả thuận thời hạn trả là ngày 05/4/2020, còn lãi suất thoả thuận giữa bà G và bà Y cụ thể như thế nào ông H không rõ. Trong quá trình làm việc cho bà Y thì bà Y có đưa nhiều tiền mặt cho ông H để ông H nộp vào tài khoản để chuyển khoản trả cho bà G nhiều lần, do đã lâu nên ông H không nhớ cụ thể số tiền ông H đã chuyển khoản trả cho bà G là bao nhiêu lần, nội dung chuyển khoản cho bà G cũng không ghi rõ nội dung chuyển khoản trả cho bà G.

Năm 2020, bà Y tố cáo bà G về hành vi cho vay nặng lãi, vụ việc đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ thụ lý giải quyết, trong quá trình điều tra thì giữa bà G và bà Y thương lượng được với nhau, các bên đã thống nhất việc bà Y đã trả hết tiền cho bà G, hai bên không còn nợ nần gì, kể cả số tiền 400.000.000đồng nêu trên thì bà Y cũng đã trả hết cho bà G. Do đó, bà Y rút đơn tố cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ kết thúc điều tra, ra Quyết định không khởi tố vụ án. Nay bà G yêu cầu ông H phải trả cho bà G số tiền nợ gốc 400.000.000đồng và nợ lãi theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với 0,83%/01 tháng tính từ ngày 05/4/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính là 400.000.000đồng x 0.83% x 42 tháng = 136.120.000đồng, cộng chung cả gốc và lãi là: 536.120.000đồng thì ông H không đồng ý.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị Y trình bày: Vào năm 2020 do có nhu cầu về vốn làm ăn nên bà Y có nhờ ông H đứng ra vay tiền của bà G, với số tiền là 400.000.000 đồng, để làm tin bà Y có đưa cho ông H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cháu ruột bà Y là anh Đoàn Quốc H1, sau đó ông H có thay mặt bà Y đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà G cầm cố làm tin, số tiền này bà Y đã trả cho bà G nhưng không có giấy tờ gì chứng minh nên bà Y đã tố cáo sự việc này đến cơ quan cảnh sát

điều tra công an thành phố Đ vào năm 2020, sự việc này đã được công an thành phố Đ giải quyết xong, kết quả giải quyết cụ thể bà Y sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Nay bà G khởi kiện yêu cầu ông H trả lại 400.000.000 tiền gốc và 136.120.000đồng thì bà Y cho rằng bà G không có căn cứ vì bà Y đã trả tiền cho bà G và ông H chỉ là người thay bà Y đi nhận tiền từ bà G.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Y yêu cầu Tòa án buộc bà G phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh H1 vì lý do việc cầm cố này không đúng quy định của pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Quốc H1 trình bày: Vào tháng 02/2020 anh H1 có cho bà Đoàn Thị Y mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 31/12/2019 đối với diện tích đất 719m^2 thuộc thửa 2127 tờ bản đồ 20 xã Đ để bà Y làm gì thì anh H1 không biết. Sau đó, bà Y không trả lại mặc dù anh H1 đã đòi nhiều lần. Nay anh H1 được biết ông Đoàn Xuân H cầm cố sổ đỏ nêu trên cho bà Nguyễn Thị G để vay tiền là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H1. Vì vậy, anh H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G phải trả lại cho anh H1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252. Ngoài ra, anh H1 có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh H1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà G số tiền 572.640.000đồng gồm 400.000.000đồng nợ gốc và 172.640.000đồng nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà G không đồng ý trả lại cho anh H1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà G. Buộc ông H phải trả cho bà G số tiền 572.640.000đồng gồm 400.000.000đồng nợ gốc và 172.640.000đồng nợ lãi

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh H1, buộc bà G phải trả lại cho anh H1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252.

Buộc ông H và bà G phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G, ông Đoàn Xuân H, bà Đoàn Thị Y, anh Đoàn Quốc H1 vắng mặt. Nhưng bà G có người đại diện theo ủy quyền có mặt, ông H, bà Y và anh H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 26/3/2020 bà G cho ông H vay số tiền 400.000.000đồng, để làm tin ông H có đưa cho bà G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đoàn Quốc H1. Nay ông H không trả nợ nên bà G khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ cho bà G. Anh Đoàn Quốc H1 khởi kiện yêu cầu bà G phải trả lại cho anh H1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252.

Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, kiện đòi lại tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Tài liệu chứng cứ bà Nguyễn Thị G đi khởi kiện là bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 26/3/2020 (BL 05). Bị đơn ông Đoàn Xuân H thừa nhận đã viết và ký vào giấy mượn tiền của bà G và đã nhận từ bà G số tiền 400.000.000đồng vào ngày 26/3/2020. Tuy nhiên ông H cho rằng giữa bà G với bà Đoàn Thị Y có mối quan hệ làm ăn với nhau nên bà Y mượn số tiền trên của bà G, ông H chỉ đi nhận tiền giúp cho bà Y. Khi nhận tiền thì bà G yêu cầu ông

H viết giấy mượn tiền nêu trên. Sau khi nhận số tiền 400.000.000đồng thì ông H đã đưa tiền cho bà Y. Đồng thời ông H cho rằng, quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ giải quyết đơn tố cáo của bà Y đối với bà G thì hai bên đã thương lượng, trong đó hai bên thống nhất trả xong các khoản nợ trong đó có khoản tiền 400.000.000đồng nói trên. Nhưng bà G không thừa nhận, bà G khẳng định số tiền 400.000.000đồng này không liên quan đến bà Y còn việc ông H vay về làm gì, có vay giúp cho bà Y hay không thì bà G không biết.

[3.2]. Qua thu thập hồ sơ giải quyết tin báo tố giác tội phạm tại Công an thành phố Đ thì: Ngày 16/9/2020 bà Đoàn Thị Y có đơn tố giác tội phạm, tố cáo bà Nguyễn Thị G có hành vi cho vay nặng lãi, bà G cho bà Y vay số tiền 6.000.000.000đồng, lãi suất tính 60%/tháng thành số tiền 45.050.500.000đồng và yêu cầu bà Y phải trả số tiền lãi này cho bà G. Theo các biên bản ghi lời khai, bản tường trình và biên bản đối chất tại hồ sơ giải quyết tin báo của Công an thành phố Đ (BL 45 đến 119) thể hiện thì bà Y cho rằng từ năm 2017 đến năm 2019 bà Y đã vay tiền của bà G 14 lần, bà G chỉ thừa nhận có cho vay 6 lần. Nhưng trong quá trình giải quyết tin báo tại Công an thành phố Đ, bà G và bà Y đều không đề cập đến khoản vay 400.000.000đồng của ông H ký vay vào ngày 26/3/2020. Ngoài ra, theo bản chụp của phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (BL 28-29) thể hiện tại Giấy xin rút đơn khởi kiện của bà Y đề ngày 8/7/2021 gửi Công an thành phố Đ thì lý do bà Y rút đơn kiện bà G là bà Y đang bị bệnh nặng, mới đi khám tại bệnh viện thành phố H về nên phải cách ly và bà Y kiện bà G nhưng không có chứng cứ gì nên bà Y xin rút đơn kiện. Do đó, ông H khai tại Công an thành phố Đ, các bên đã giải quyết xong số tiền 400.000.000đồng ông H nhận từ bà G là không đúng.

Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 06/10/2020 tại Công an thành phố Đ (BL 93) ông H khai lý do ông tố cáo bà G là do bà G cho vay nặng lãi, ông H thừa nhận ông H có vay của bà gái 400.000.000đồng, có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252 của cháu ông H, trên hợp đồng ghi vay 400.000.000đồng nhưng thực tế ông H chỉ nhận 320.000.000đồng vì bà G cắt lãi 80.000.000đồng. Ông H đã trả hết nợ cho bà G bằng chuyển khoản, tiền mặt nhưng ông không nhớ rõ. Việc ông H vay tiền của bà G là để đưa cho bà Y, ông không có giấy tờ gì chứng minh việc ông giao tiền cho bà Y.

Tại bản tường trình ngày 12/10/2020 tại Công an thành phố Đ (BL 90-91) thì ông H cũng thừa nhận ông vay số tiền trên của bà G là vay giúp cho bà Y.

Ông H khai có chuyển trả tiền nhưng không thể hiện chuyển cho bà G mà chuyển cho nhiều người khác, trong khi ông H, bà Y làm ăn chuyển khoản cho rất nhiều người. Ngoài ra, tại bản tường trình (BL 89) ông H khai việc ông vay số tiền 400.000.000đồng của bà G và trả lãi cho bà G ông không có giấy tờ gì chứng minh cụ thể, chỉ có sao kê các lần chuyển khoản qua Ngân hàng cho bà G thông qua tài khoản của người khác.

Như vậy, tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ông H thừa nhận ông H là người vay tiền của bà G. Đồng thời, trong lời khai của bà Y (BL 38) cũng khai vào năm 2020 do có nhu cầu về vốn làm ăn nên bà Y có nhờ ông H đứng ra vay tiền của bà G, với số tiền là 400.000.000 đồng. Nay ông H khai ông H chỉ đi nhận tiền giúp cho bà Y là không đúng mà cần xác định ông H là người vay tiền của bà G. Quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án cũng đã thông báo cho ông H nộp chứng cứ chứng minh việc trả nợ thì ông H cũng thừa nhận ông không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc đã chuyển trả cho bà G số tiền 400.000.000đồng. Hơn nữa, nếu ông H đã trả nợ cho bà G thì ông H phải lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H giao cho bà G thì hiện nay bà G vẫn còn giữ.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, có cơ sở xác định ông H là người vay của bà G số tiền 400.000.000đồng vào ngày 26/3/2020. Do ông H chưa trả tiền cho bà G nên căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc ông H phải trả số tiền 400.000.000đồng cho bà G là phù hợp.

[3.3] Đối với yêu cầu về tiền lãi suất, trong giấy mượn tiền không ghi thỏa thuận về lãi suất, nguyên đơn cũng xác định chỉ cho ông H vay tạm thời trong 10 ngày nên không đòi lãi suất, do đó xác định việc cho vay là không có lãi suất, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi suất kể từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 06/4/2020 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án, theo mức lãi suất 0.83%/tháng, xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Cụ thể khoản tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 06/4/2020 đến ngày 09/8/2024 là 52 tháng 03 ngày, phía nguyên đơn thống nhất tính tròn là 52 tháng. Số tiền 400.000.000đồng x 0.83% x 52 tháng = 172.640.000đồng.

[3.4] Như vậy, cần buộc ông H phải trả cho bà G số tiền 572.640.000đồng gồm 400.000.000đồng tiền nợ gốc và 172.640.000đồng tiền nợ lãi

[4] Đối với yêu cầu độc lập của anh Đoàn Quốc H1 yêu cầu bà G trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252 thì thấy rằng: Việc ông H giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, để đảm bảo cho việc bà G cho ông H vay tiền. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai thì "Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có giấy chứng nhận" nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CU 424252 lại không thuộc quyền sở hữu của ông H mà thuộc quyền sở hữu của anh H1, việc ông H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G cũng không được sự đồng ý của anh H1. Hơn nữa, việc thế chấp tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật là phải được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền nên việc ông H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G đã không tuân thủ quy định về đăng ký tài sản đảm bảo theo quy định. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H1, buộc bà G phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1 là phù hợp.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G nên buộc ông H phải chịu 26.905.600đồng, làm tròn thành 26.906.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông H phải trả cho bà G.

Do chấp nhận yêu cầu độc lập của anh H1 nên buộc bà G phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với ông Đoàn Xuân H.

Buộc ông Đoàn Xuân H phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 572.640.000đồng (Năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) gồm 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 172.640.000đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Đoàn Quốc H1 về việc kiện đòi tài sản đối với bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho anh Đoàn Quốc H1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 424252 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 31/12/2019 đối với diện tích đất 719m² thuộc thửa 2127 tờ bản đồ 20 xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Đoàn Xuân H phải chịu 26.906.000đồng (Hai mươi sáu triệu, chín trăm lẻ sáu ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 12.722.400đồng (Mười hai triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000188 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 12.422.400đồng (Mười hai triệu, bốn trăm hai mươi hai ngàn, bốn trăm đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị G đã tạm nộp.

Hoàn trả cho anh Đoàn Quốc H1 số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh Đoàn Quốc H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004613 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2024) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đoàn Hạnh Trang